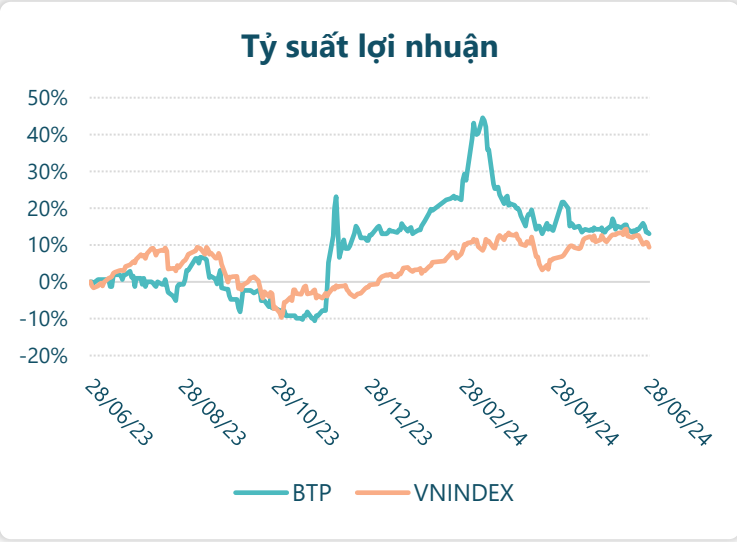


Ngày	13,850 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.8%	-6.7%	1.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,954 - 17,707
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	838
Số lượng CPLH (CP)	60,485,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	69,020
Sở hữu nước ngoài	8.6%
Beta	0.58
EPS	711
P/E	19.5



Doanh thu thuần
Q2/24

155

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 106 | 213%

YoY: ▼486 | -75.9%

Nợ/VCSH
Q2/24

31.4%

YoY: +/-▲ 10.7%

LN gộp
Q2/24

7.89

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.35 | 73.7%

YoY: ▼9.51 | -54.7%

ROE (TTM)
Q2/24

3.7%

YoY: +/-▼ 2.1%

LN trước thuế
Q2/24

3.75

tỷ VNĐ

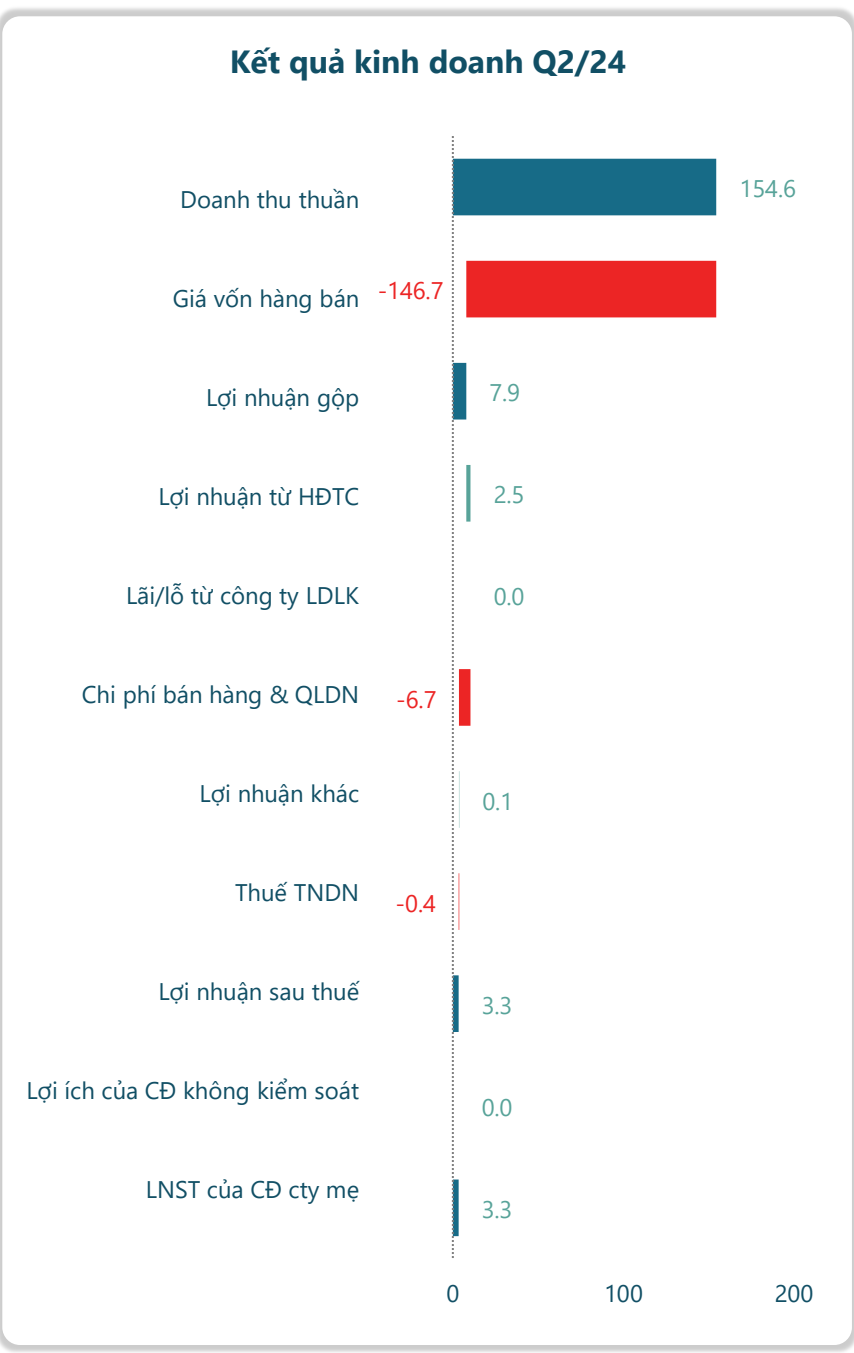
QoQ: ▼5.71 | -60.4%

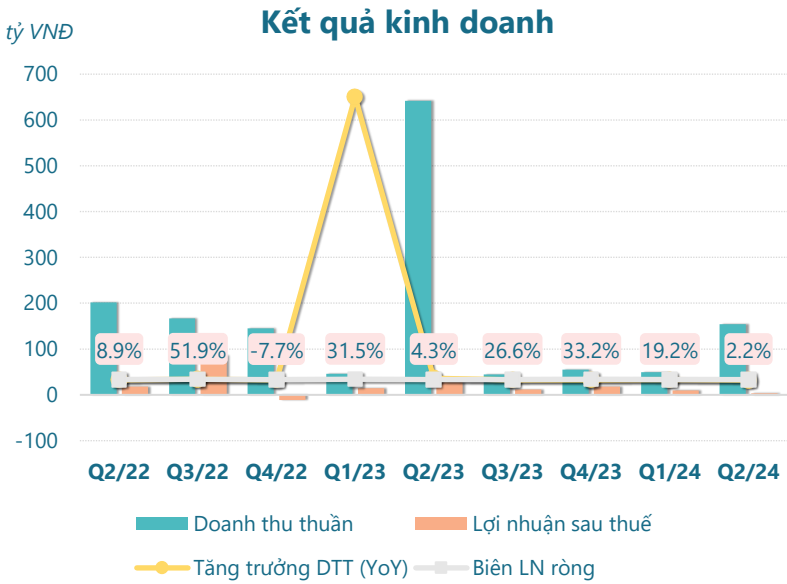
YoY: ▼27.9 | -88.1%

ROA (TTM)
Q2/24

2.9%

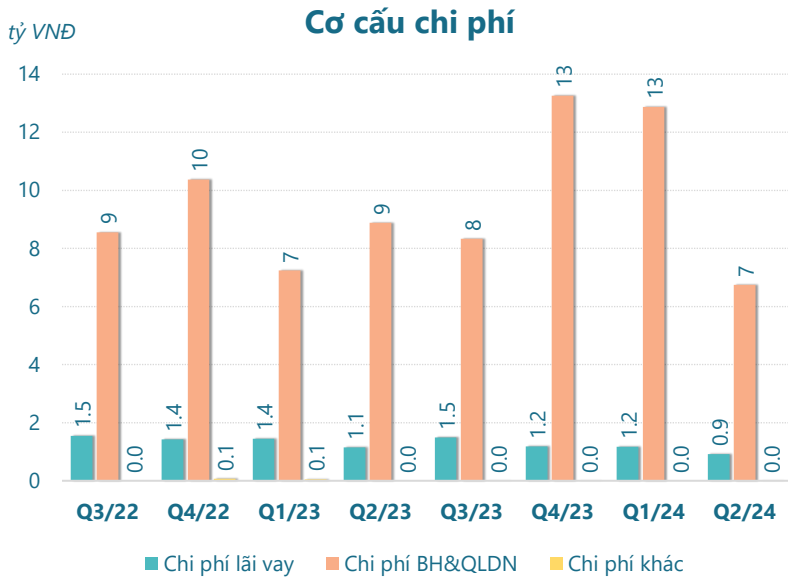
YoY: +/-▼ 1.9%





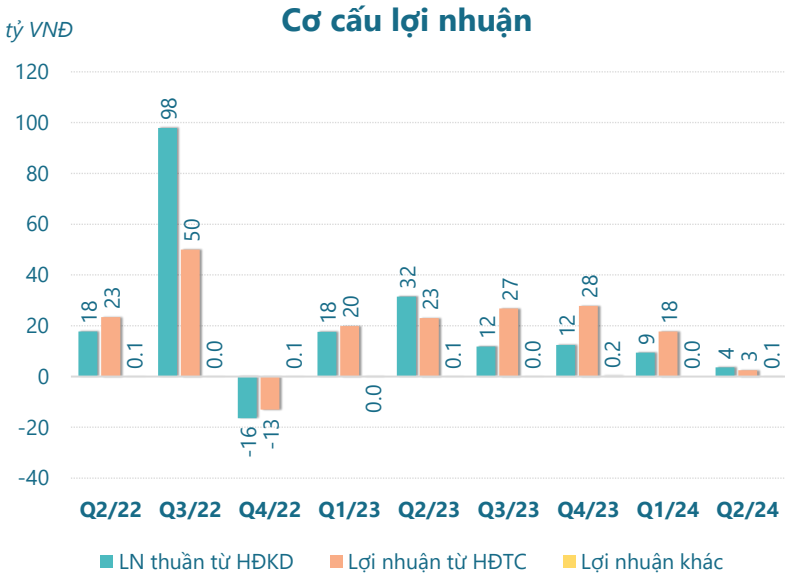
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 3.65 tỷ đồng**, giảm đi 61.4% so với kỳ trước và thấp hơn 88.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 2.51 tỷ đồng**, giảm đi 85.9% so với kỳ trước và thấp hơn 89.1% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.09 tỷ đồng**, tăng thêm 0.09 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 28.6% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **BTP** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **154.6 tỷ đồng** giảm đi **75.9%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 3.34 tỷ đồng, giảm sút 87.9%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **204.0 tỷ đồng** thấp hơn 70.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 13.00 tỷ đồng** thấp hơn 69.0% so với cùng kỳ năm trước.



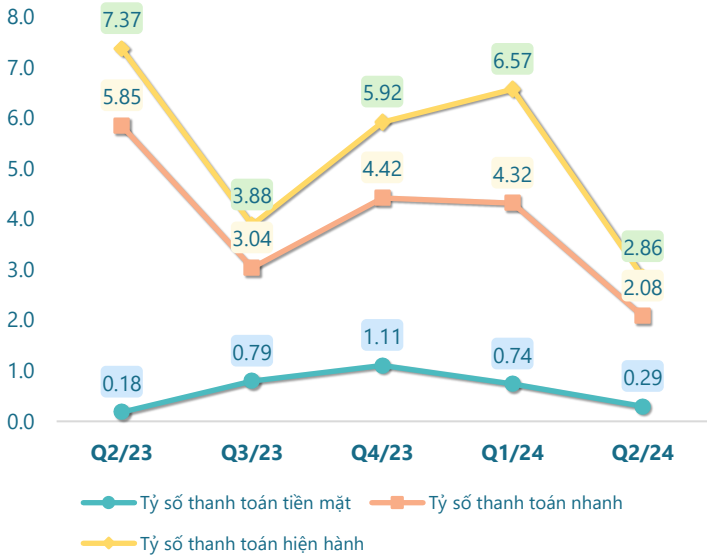
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.92 tỷ đồng** giảm đi 21.4% so với kỳ trước và thấp hơn 19.3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **6.75 tỷ đồng** giảm đi 47.6% so với kỳ trước và thấp hơn 24.0% so với cùng kỳ năm trước.

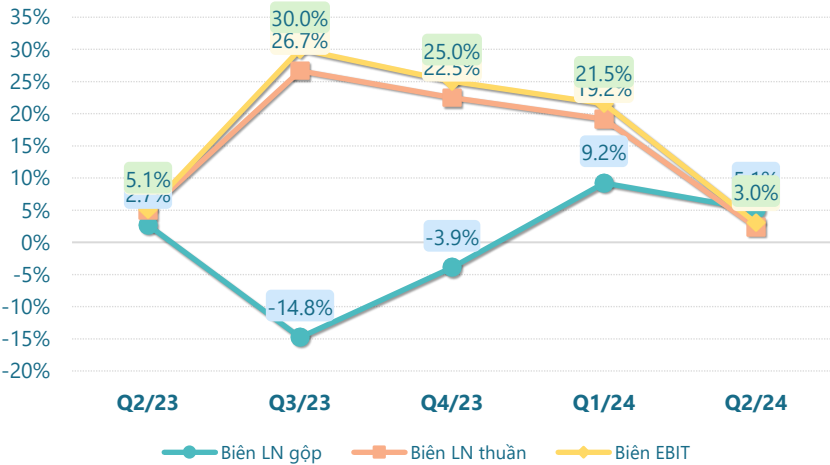
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	155	49.3	213%	641	-75.9%	204	688	-70.4%
Giá vốn hàng bán	147	44.8	227%	624	-76.5%	191	665	-71.2%
Lợi nhuận gộp	7.89	4.54	73.7%	17.4	-54.7%	12.4	22.4	-44.5%
Doanh thu HĐTC	3.43	19.0	-81.9%	24.1	-85.7%	22.4	45.4	-50.7%
Chi phí TC	0.92	1.17	-21.2%	1.14	-19.2%	2.09	2.59	-19.4%
Chi phí lãi vay	0.92	1.17	-21.2%	1.14	-19.2%	2.09	2.59	-19.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.00	0.00		0.00		0.01	0.01	-16.4%
Chi phí QLDN	6.74	12.9	-47.7%	8.88	-24.1%	19.6	16.1	21.7%
LN thuần từ HĐKD	3.65	9.46	-61.4%	31.5	-88.4%	13.1	49.1	-73.3%
Lợi nhuận khác	0.09	0.00		0.07	32.5%	0.09	0.05	102%
LN trước thuế	3.75	9.46	-60.4%	31.6	-88.1%	13.2	49.2	-73.1%
Lợi nhuận sau thuế	3.34	9.46	-64.7%	27.7	-87.9%	12.8	42.3	-69.7%
LNST của CĐ cty mẹ	3.34	9.46	-64.7%	27.7	-87.9%	12.8	42.3	-69.7%

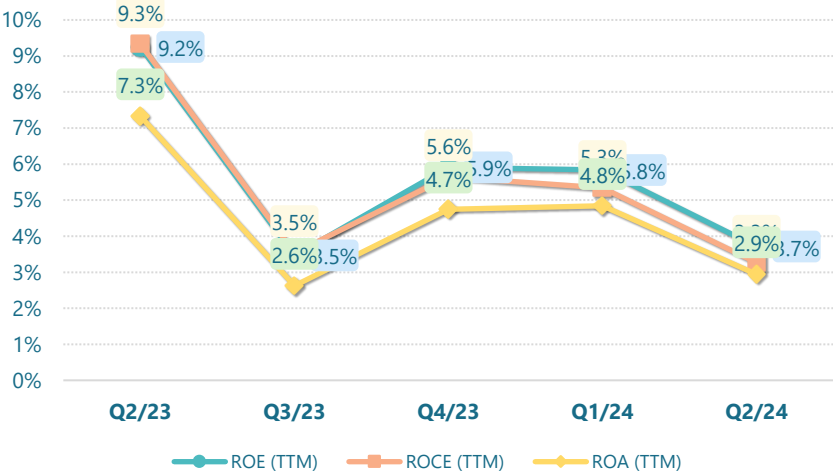
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

